

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Công trình: Nâng cấp, mở rộng bê tông nhựa mặt đường
đoạn từ ĐT 640 Kim Tây đến ĐT 636 Kim Xuyên
Địa điểm xây dựng: xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 8766/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý;

Căn cứ Quyết định số 8659/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng bê tông nhựa mặt đường đoạn từ ĐT 640 Kim Tây đến ĐT 636 Kim Xuyên;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 10/07/2023 của UBND xã Phước Hoà về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2023 đối với các nguồn vốn được phân cấp cho UBND xã Phước Hoà quản lý;

Căn cứ Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng bê tông nhựa mặt đường đoạn từ ĐT 640 Kim Tây đến ĐT 636 Kim Xuyên do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và môi trường Nam Phương lập, đã được

Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện thẩm định tại Văn bản số 46/PKT&HT-KQTD ngày 24/05/2023;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND xã Phước Hoà tại Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 11/07/2023 và của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 463/TTr-PTCKH ngày 17/07/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Nâng cấp, mở rộng bê tông nhựa mặt đường đoạn từ ĐT 640 Kim Tây đến ĐT 636 Kim Xuyên, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng bê tông nhựa mặt đường đoạn từ ĐT 640 Kim Tây đến ĐT 636 Kim Xuyên.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước.

3. Chủ đầu tư: UBND xã Phước Hoà.

4. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn xã, nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Tổng chiều dài tuyến $L=3.262,48m$, gồm 03 tuyến trong đó: tuyến số 01 chiều dài $L=2.061,66m$, gồm 02 đoạn (đoạn 1 từ cọc K0 đến cọc D80 $L=1.642,31m$; đoạn 2 từ cọc D88 đến cọc C79 $L=419,35m$); tuyến số 02: $L=506,44m$; tuyến số 03: $L=694,38m$.

4.2.1. Phần nâng cấp mở rộng:

* Tuyến số 01 - Đoạn 1:

+ Từ cọc K0 đến cọc P3 chiều dài $L=70,87m$ giữ nguyên hiện trạng.

+ Đoạn từ cọc P3 đến cọc TD18 chiều dài $L=191,84m$: gia cố mái, mở rộng mặt đường phía đồng đủ $5,0m$, kết cấu mặt đường BTXM đá $2x4$ M300, dày $20cm$, đáy lót bạt nhựa, dốc ngang đường 2% ; mái đắp đất cấp III đầm chặt K95, gia cố BTXM đá $2x4$ M200, dày $15cm$, trên lớp bạt nhựa, mái cắt khe lót vỏ bao xi măng, nhịp cắt khe $2,5m/khe$; lắp đặt ống nhựa PVC D49mm thoát nước mái cách khoảng $1m/ống$; hệ số mái $m=1$; chân khay kích thước $(BxH)=(0.3x0.6)m$, kết cấu BTXM đá $2x4$ M200, đệm lót móng chân khay dày $10cm$ bằng BTXM đá $4x6$ M150.

+ Từ cọc TD18 đến cọc C14 chiều dài $L=138,29m$: giữ nguyên hiện trạng.

+ Đoạn từ cọc C14 đến cọc D35 chiều dài $L=174,24m$: gia cố mái, mở rộng mặt đường phía đồng đủ $5,0m$, kết cấu mặt đường BTXM đá $2x4$ M300, dày $20cm$, đáy lót bạt nhựa, dốc ngang đường 2% ; mái đắp đất cấp III đầm chặt K95, gia cố BTXM đá $2x4$ M200, dày $15cm$, trên lớp bạt nhựa, mái cắt khe lót vỏ bao xi măng, nhịp cắt khe $2,5m/khe$; lắp đặt ống nhựa PVC D49mm thoát nước mái cách khoảng

1m/ống; hệ số mái $m=1$; chân khay kích thước $(B \times H)=(0.3 \times 0.6)m$, kết cấu BTXM đá 2×4 M200, đệm lót móng chân khay dày 10cm bằng BTXM đá 4×6 M150.

+ Từ cọc D35 đến cọc C20 chiều dài $L=44,17m$ giữ nguyên hiện trạng.

+ Đoạn từ cọc C20 đến cọc C26 chiều dài $L=232,92m$: mở rộng mặt đường phía đông đủ 5,0m, kết cấu mặt đường BTXM đá 2×4 M300, dày 20cm, đáy lót bạt nhựa, dốc ngang đường 2%.

+ Đoạn từ cọc TD51 đến cọc C33 chiều dài $L=116,41m$: tháo dỡ kết cấu mái và mặt đường hiện trạng bị hỏng; xây dựng tường chắn và mở rộng mặt đường phía sông đủ 5,0m, kết cấu mặt đường BTXM đá 2×4 M300, dày 20cm, đáy lót bạt nhựa, dốc ngang đường 2%; nền đường đắp đất cấp III đầm chặt K95; tường chắn BTCT đá 1×2 M200, đệm lót móng tường chắn dày 10cm bằng BTXM đá 4×6 M150; gia cố hoàn trả mái bằng BTXM đá 2×4 M200, dày 15cm, đáy lót bạt nhựa; khe lún chèn bao tải nhựa đường; lắp đặt 116 ống nhựa PVC thoát nước tường chắn, đường kính ống D49mm, chiều dài $L=0,4m$ và làm tầng lọc vật liệu đá 1×2 , cát thô bọc vải địa kỹ thuật.

+ Từ cọc C33 đến cọc D80 chiều dài $L=673,58m$ giữ nguyên hiện trạng.

* Tuyến số 01 - Đoạn 2: Từ cọc D88 đến cọc C79 chiều dài $L=419,34m$ giữ nguyên hiện trạng.

* Tuyến số 02:

+ Từ cọc C1 đến cọc TC8 chiều dài $L=167,87m$ giữ nguyên hiện trạng.

+ Từ cọc C3 đến cọc C7 chiều dài $L=124,95m$ mở rộng mặt đường hai phía đủ 5,0m, kết cấu mặt đường BTXM đá 2×4 M300, dày 20cm, đáy lót bạt nhựa, dốc ngang đường 2%.

+ Từ cọc P13 đến cọc C11 chiều dài $L=213,62m$ giữ nguyên hiện trạng.

* Tuyến số 03: Chiều dài $L=694,38m$ giữ nguyên hiện trạng.

4.2.2. Phần thảm nhựa mặt đường:

- Vệ sinh mặt đường: tổng diện tích 16.126 m², trong đó tuyến số 01 (9.779 m²); tuyến số 02 (2.509 m²); tuyến số 03 (3.838 m²).

- Xử lý khe co giãn: tổng chiều dài 596,81 m, trong đó tuyến số 01 (370,53m); tuyến số 02 (101,29m); tuyến số 03 (124,99m).

- Thảm nhựa mặt đường: tổng chiều dài 03 tuyến thảm nhựa $L=3.262,48m$; tổng khối lượng vật liệu bê tông nhựa là 1.368,1m³; tổng diện tích thảm nhựa mặt đường và nối vuốt đường ngang là 16.127,88m² (diện tích thảm nhựa mặt đường là 15.922,64 m², diện tích nối vuốt đường ngang là 205,24 m²); chiều dày thảm nhựa trung bình là 8,5cm; mặt đường rộng khoảng từ 4,0m đến 5,0m, dốc ngang đường $i=2\%$; kết cấu mặt đường bê tông nhựa hạt mịn BTN C12,5, các lớp từ trên xuống như sau:

+ Lớp bê tông nhựa hạt mịn BTN C12,5 dày 5cm.

+ Lớp nhựa dính bám, lượng nhựa 0,5 kg/m².

- + Lớp bê tông nhựa hạt mịn BTN C12.5 bù vênh.
- + Lớp nhựa dính bám bù vênh, lượng nhựa 0,5 kg/m².
- + Lớp bê tông xi măng hiện trạng thời sạch bụi.

4.2.3. An toàn giao thông: Sơn vạch kẻ chia đường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và môi trường Nam Phương.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước.
- Diện tích đất sử dụng: Theo hồ sơ thiết kế.

7. Loại, nhóm dự án:

- Công trình giao thông, nhóm C.
- Cấp công trình chính: Cấp IV.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 01 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và môi trường Nam Phương lập, đã được Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện thẩm định tại Văn bản số 46/PKT&HT-KQTĐ ngày 24/05/2023.

9. Tổng mức đầu tư: 9.306.523.000 đồng.

*(Bằng chữ: Chín tỷ ba trăm lẻ sáu triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng).
Trong đó:*

- Chi phí xây dựng:	7.865.976.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	237.867.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	622.447.000 đồng;
- Chi phí khác:	137.065.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	443.168.000 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022-2023.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện hỗ trợ 50% giá trị xây lắp, phần còn lại ngân sách xã Phước Hòa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án đảm bảo đúng theo quy định.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: không.

14. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo Luật Đấu thầu & các quy định hiện hành.

15. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn	Phương thức lựa chọn	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Tư vấn lập HSYC và phân tích, đánh giá HSDX	27.216.000	NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo HĐ	Quý III năm 2023	Trọn gói	30 ngày
2	Tư vấn quản lý dự án	237.867.000	NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo HĐ	Quý III năm 2023	Trọn gói	Theo xây lắp
3	Tư vấn giám sát thi công	251.947.000	NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo HĐ	Quý III năm 2023	Trọn gói	Theo xây lắp
4	Tư vấn kiểm toán	69.905.000	NSNN	Chỉ định thầu	Thương thảo HĐ	Năm 2023	Trọn gói	15 ngày
5	Toàn bộ khối lượng xây lắp	8.259.274.000 (Trong đó, CP xây dựng: 7.865.976.000, CP dự phòng: 393.298.000)	NSNN	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý III năm 2023	Trọn gói	30 ngày
Tổng cộng: 8.846.209.000 đồng								

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở để thực hiện dự án và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Giao Chủ tịch UBND xã Phước Hoà có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất các thủ tục còn lại theo quy định để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Hoà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân